

Bản án số: 47 /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30-6-2021

V/v “*tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê T Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Di

2. Bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Như.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền: Ông V Văn Long.

Ngày 30 tháng 06 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2021 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐXX-ST ngày 18 tháng 05 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Hoài T, sinh năm: 1991; Địa chỉ: Tổ 14, ấp Phước Trinh, xã Tam Phước, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vng Tàu. (Có mặt)

Bị đơn: Ông Trần Văn T1, sinh năm: 1981; địa chỉ: Tổ 14, ấp Phước Trinh, xã Tam Phước, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vng Tàu. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tại bản khai và tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn bà Lê Hoài T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Hoài T và ông Trần Văn T1 chung sống vợ chồng với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại UBND xã Nhơn Hòa, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định. Hôn nhân dựa trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu Tẫn; nguyên nhân mâu Tẫn là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, nguyên nhân nữa là do vấn đề kinh tế, tài chính trong gia đình, không có sự sẻ chia đồng cảm với nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Bà T và ông T1 đã sống ly thân từ ngày 02-5-2021 đến nay mỗi người sống mỗi nơi, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm chăm sóc nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông T1.

- Về con chung: Bà Lê Hoài T và ông Trần Văn T1 có 02 người con chung là Trần Phước V sinh ngày 19-5-2015 và Trần Hồng N sinh ngày 09-11-2016. Hiện tại

cháu N đang sống chung với bà T, cháu V đang sống chung với ông T1. Sau khi ly hôn bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con là Trần Hồng N và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Bà T đồng ý để cho ông T1 được tiếp tục nuôi con là Trần Phước V, bà T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Hoài T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn ông Trần Văn T1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông T1 thống nhất với bà T về thời gian chung sống và thời gian đăng ký kết hôn như lời trình bày của bà T. Thời gian đầu ông T1 và bà T chung sống hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình giữa ông T1 và bà T không hợp nhau, bất đồng quan điểm; lý do nữa là vấn đề kinh tế trong gia đình nên ông T1 và bà T thường hay cãi nhau. Nay ông T1 không đồng ý ly hôn với bà T vì ông T1 còn thương bà T.

- Về con chung: Ông Trần Văn T1 và bà Lê Hoài T có 02 người con chung là Trần Phước V sinh ngày 19-5-2015 và Trần Hồng N sinh ngày 09-11-2016, do ông T1 không đồng ý ly hôn nên cũng không đồng ý như yêu cầu của bà T cũng không có ý yêu cầu gì khác về con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Văn T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- **Về tố tụng:** Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Hoài T.

Về con chung: Giao cháu Trần Hồng N sinh ngày 09-11-2016 cho bà Lê Hoài T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật. Giao cháu Trần Phước V sinh ngày 19-5-2015 cho ông Trần Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật. Bà T và ông T1 không phải trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ theo đơn khởi kiện của bà Lê Hoài T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Trần Văn T1 có địa chỉ tại xã Tam Phước, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu nên vụ án Tộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Trần Văn T1 đến phiên tòa nhưng ông T1 vắng mặt; căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T1 theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nhận thấy, bà Lê Hoài T và ông Trần Văn T1 chung sống vợ chồng với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại Ủy ban nhân dân phường Nhơn Hòa, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định, hôn nhân dựa trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc nên theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hôn nhân hợp pháp. Từ những lời khai của các đương sự xét thấy mâu Tẫn gia đình giữa bà T và ông T1 là có thật nên bà T và ông T1 dẫn sống ly thân từ đầu tháng 5 năm 2021 đến nay, mỗi người sống mỗi nơi, mạnh ai nấy sống không ai quan tâm chăm sóc nhau. Như vậy mâu Tẫn gia đình giữa bà T và ông T1 là không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[3] Về nuôi con chung và cấp dưỡng: Bà Lê Hoài T và ông Trần Văn T1 có 02 người con chung là Trần Phước V sinh ngày 19-5-2015 và Trần Hồng N sinh ngày 09-11-2016. Bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con là Trần Hồng N; bà T đồng ý giao cháu Trần Phước V cho ông Trần Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con và bà T cũng không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy hiện cháu N đang sinh sống cùng với bà T, cháu V đang sinh sống cùng với ông T1, như vậy yêu cầu của bà T là phù hợp với các quy định của pháp luật, ông T1 cũng không có yêu cầu gì khác về con chung và cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Trần Hồng N cho bà Lê Hoài T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật; giao cháu Trần Phước V cho ông Trần Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật. Bà T và ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án, của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà Lê Hoài T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm; ông Trần Văn T1 không phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số: 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Lê Hoài T; Bà Lê Hoài T được ly hôn với ông Trần Văn T1.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Hồng N sinh ngày 09-11-2016 cho bà Lê Hoài T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật; giao cháu Trần Phước V sinh ngày 19-5-2015 cho ông Trần Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật. Bà T và ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Lê Hoài T và ông Trần Văn T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lê Hoài T phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai T tiền tạm ứng án phí số: 0004429, ngày 06 tháng 01 năm 2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền; bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Trần Văn T1 không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án sơ thẩm xét xử công khai, báo cho bà Lê Hoài T biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30-6-2021). Riêng ông Trần Văn T1 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TA Tỉnh;
- VKSND huyện Long Điền;
- THADS huyện Long Điền;
- UBND phường Nhơn Hòa, Huyện An Nhơn, Bình Định;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê T Hiền

